

Bản án số: 46/2019/HS-ST

Ngày: 22/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Vũ Đức Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 09 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Thị A**, tên gọi khác: Không, Sinh năm: 1964 tại K, Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà 12, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Buôn bán tạp hóa; Trình độ văn hoá: 10/10

Bố đẻ: Trần Văn Q (đã chết) Mẹ đẻ: Nguyễn Thị D (đã chết); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con út; Chồng: Phạm Quang V sinh năm 1959 hiện buôn bán tạp hóa và trú tại số nhà 12, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền án; tiền sự: không.

Lịch sử bản thân: Ngày 13/9/2015 của Công an thị trấn P, huyện K xử phạt 1.000.000đ về hành vi “Đánh bạc”. Chấp hành xong ngày 13/10/2015.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Trần Thị Thanh H**; tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1980 tại K, Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Xóm 3, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12

Bố đẻ: Trần Phúc H1 sinh năm 1948 hiện già yếu và trú tại phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Mẹ đẻ: Phạm Thị H2 (đã chết); Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con út. Chồng: Trần Văn Đ, sinh năm 1978 hiện là Công nhân điện

lực K và trú tại xóm 3, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2016

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn H3**, tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1982 tại K, Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 8, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12

Bố đẻ: Nguyễn Như T (đã chết); Mẹ đẻ: Lưu Thị C sinh năm 1955, hiện làm ruộng và trú tại phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Trần Thị L sinh năm 1979 hiện làm ruộng và trú tại tổ 8, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Phạm Thị T1**, tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1989 tại K, Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà 12, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12

Bố đẻ: Phạm Quang V sinh năm 1959; Mẹ đẻ: Trần Thị A sinh năm 1964, bố mẹ hiện buôn bán tạp hóa và trú tại số nhà 12, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con lớn nhất; Chồng, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lê Thị H4, sinh năm 1973; trú tại : phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

+ Anh Vũ Trường T2 sinh năm 1971; trú tại : phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

+ Chị Đỗ Thị Thanh D1, sinh năm 1976; trú tại : phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

+ Chị Lê Thị Hà T3, sinh năm 1970; trú tại : Xóm 7A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

+ Bà Trần Thị P, sinh năm 1965; trú tại : phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

+ Bà Dương Thị Thanh M, sinh năm 1962; trú tại : Xóm 7A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác: Ông Chu Quang V, bà Phạm Thị S, chị Bùi Thị H5, bà Vũ Thị T4 – đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hồi 18h15 phút ngày 08/04/2019 phòng cảnh sát hình sự công an tỉnh Ninh Bình phối hợp với công an thị trấn P kiểm tra hành chính tại số nhà 12, phố P, thị trấn P, huyện K phát hiện tại địa chỉ trên Trần Thị A và Phạm Thị T1 (con gái A) đang sử dụng điện thoại, ghi chép, tổng hợp việc mua bán số lô, số đề; thu giữ tại chỗ 03 điện thoại và 07 mảnh giấy dùng liên lạc, ghi chép số lô, số đề và 1.940.000đ tiền mặt.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau: Năm 2018, Trần Thị A ký hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh Ninh Bình làm đại lý bán vé Xổ số Miền Bắc và vé Lô tô 2, 3, 4 số tại nhà mình. Quá trình bán A thấy việc bán vé xổ số và vé lô tô Nhà nước thu lợi nhuận thấp, nên đầu năm 2019 A đã bỏ hợp đồng với Công ty và tự nhận bán các số lô, số đề, lô xiên người khác mua mà mình làm chủ để thu được lợi nhuận cao. Cụ thể: Dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày A bán 01 điểm lô với các giá 23.000đ, 22.500đ và 21.800đ; số đề cứ khách mua với giá 10.000đ trở lên thì A lấy từ 10.000đ, 8.000đ, 7.500đ và 7.300đ. Việc trúng thưởng sẽ lấy kết quả của Xổ số kiến thiết Miền Bắc trong ngày và được tính như sau: Số đề sẽ so với 02 số, 03 số (do người mua) cuối của giải đặc biệt và nếu trúng thì A sẽ phải trả gấp 70 lần đối với 02 số và 400 lần đối với 03 số tương ứng với số tiền khách mua. Số lô được so với 02 số cuối của tất cả các giải từ giải bảy đến giải đặc biệt, mỗi điểm lô nếu trúng thì người mua được 80.000đ, nếu người mua 01 số lô mà số này trùng với 02, 03 hoặc 04 số cuối của tất cả các giải từ giải bảy đến giải đặc biệt thì được gọi là “trúng lô nhiều nháy” và A phải trả số tiền tương ứng với số “nháy trúng” nhưng tối đa là 03 nháy; đối với lô xiên 2, 3, 4 thì A phải phải trả lần lượt gấp 10, 40 và 100 lần. Nếu người mua không trúng thì A sẽ được hưởng số tiền mà người mua bỏ ra. Bằng hình thức nêu trên, trong 04 ngày là 05, 06, 07 và 08/4/2019, A đã bán số lô, số đề cho những người mua cụ thể như sau:

Lần thứ nhất ngày 05/4/2019: Hồi 15 giờ 43 phút, người sử dụng số điện thoại 0941.067655 (hiện chưa xác minh được nhân thân lai lịch) nhắn tin đến số điện thoại của A mua 13 số lô tổng 390 điểm với số tiền 21.800đ/1điểm thành tiền là 8.502.000đ; 09 cặp lô xiên 02; 03 cặp lô xiên 3 và 21 số đề 02 chữ số với tổng số tiền 3.600.000đ nhưng chỉ phải trả 2.628.000đ (được khuyến mại 972.000đ). Kết quả ngày 05/4/2019, người mua trúng 90 điểm lô với số tiền 7.200.000đ. Như vậy số tiền đánh bạc giữa A và người mua là 18.330.000đ, số tiền đánh bạc A đã thanh toán cho người mua.

Hồi 17 giờ 09 phút Lê Thị H4 nhắn tin đến số điện thoại của A mua 06 số lô tổng 60 điểm với số tiền 22.500đ/1điểm thành tiền là 1.350.000đ. Kết quả ngày 05/4/2019, H4 trúng 20 điểm lô với số tiền 1.600.000đ. Như vậy số tiền A và H4 đánh bạc là 2.950.000đ, số tiền đánh bạc đã thanh toán cho nhau.

Hồi 17 giờ 52 phút, 18 giờ 04 phút và 18 giờ 07 phút người sử dụng Nick Zalo “Ô Vinh Quy Hậu” (hiện chưa xác minh được nhân thân lai lịch) nhắn tin đến Zalo “Tâm phạm” mua của A 19 số lô tổng 534 điểm với số tiền 23.000đ/1điểm thành tiền là 12.282.000đ; 01 cặp lô xiên 02; 01 cặp lô xiên 3, 02

cặp lô xiên 04; 177 số đề 02 chữ số và 04 số đề 03 chữ số với tổng số tiền 3.899.000đ. Kết quả ngày 05/4/2019, người mua trúng 04 điểm lô với số tiền 320.000đ; 01 số đề 12.000đ với số tiền 840.000đ. Như vậy số tiền đánh bạc giữa A và người mua là 17.341.000đ, số tiền đánh bạc chưa thanh toán cho nhau.

Lần thứ hai ngày 06/4/2019: Hồi 15 giờ 29 phút, người sử dụng số điện thoại 0941.067655 nhắn tin đến số điện thoại của A mua 06 số lô tổng 180 điểm với số tiền 21.800đ/1điểm thành tiền là 3.924.000đ; 15 cặp lô xiên 02; 16 cặp lô xiên 3 với tổng số tiền 4.600.000đ nhưng chỉ phải trả 3.358.000đ (được khuyến mãi 1.242.000đ). Kết quả ngày 06/4/2019, người mua trúng 30 điểm lô với số tiền 2.400.000đ. Như vậy số tiền đánh bạc giữa A và người mua là 9.682.000đ, số tiền đánh bạc đã thanh toán cho nhau.

Hồi 16 giờ 57 phút anh Vũ Trường T2 nhắn tin đến số điện thoại của A mua 124 số đề 02 chữ số với số tiền 1.795.000đ nhưng chỉ phải trả 1.440.000đ (được khuyến mãi 355.000đ). Kết quả ngày 06/4/2019, T2 không trúng. Như vậy số tiền A và T2 đánh bạc là 1.440.000đ, số tiền đánh bạc đã thanh toán cho nhau.

Hồi 17 giờ 57 phút, 18 giờ 06 phút người sử dụng Nick Zalo “Ô Vinh Quy Hậu” nhắn tin đến Zalo “Tâm phạm” mua của An 19 số lô tổng 170 điểm với số tiền 23.000đ/1điểm thành tiền là 3.910.000đ; 158 số đề 02 chữ số và 05 số đề 03 chữ số với tổng số tiền 1.872.000đ. Kết quả ngày 06/4/2019, người mua trúng 35 điểm lô với số tiền 2.800.000đ; 01 số đề 33.000đ với số tiền 2.310.000đ. Như vậy số tiền đánh bạc giữa A và người mua là 10.892.000đ, số tiền đánh bạc chưa thanh toán cho nhau.

Lần thứ ba ngày 07/4/2019: Hồi 16 giờ 18 phút, người sử dụng số điện thoại 0941.067655 nhắn tin đến số điện thoại của A mua 08 số lô tổng 320 điểm với số tiền 21.800đ/1điểm thành tiền là 6.976.000đ; 61 số đề 02 chữ số và 02 số đề 03 chữ số với tổng số tiền 2.600.000đ nhưng chỉ phải trả 1.898.000đ (được khuyến mãi 702.000đ). Kết quả ngày 07/4/2019, người mua trúng 120 điểm lô với số tiền 9.600.000đ và 01 số đề 40.000đ với số tiền 2.800.000đ. Như vậy số tiền đánh bạc giữa A và người mua là 21.274.000đ, số tiền đánh bạc đã thanh toán cho nhau.

Hồi 17 giờ 07 phút Vũ Trường T2 nhắn tin đến số điện thoại của A mua 91 số đề 02 chữ số với số tiền 1.870.000đ nhưng chỉ phải trả 1.500.000đ (được khuyến mãi 370.000đ). Kết quả ngày 07/4/2019, T2 trúng 01 số đề 10.000đ với số tiền 700.000đ. Như vậy số tiền đánh bạc giữa A và T2 là 2.200.000đ, T2 và A đã thanh toán xong

Hồi 17 giờ 37 phút người sử dụng Nick Zalo “Ô Vinh Quy Hậu” nhắn tin đến Zalo “Tâm phạm” mua của A 13 số lô tổng 129 điểm với số tiền 23.000đ/1điểm thành tiền là 2.967.000đ; 48 số đề 02 chữ số với tổng số tiền 425.000đ. Kết quả ngày 07/4/2019, người mua trúng 30 điểm lô với số tiền 2.400.000đ; 01 số đề 83.000đ với số tiền 5.810.000đ. Như vậy số tiền đánh bạc giữa A và người mua là 11.602.000đ, số tiền đánh bạc đã thanh toán cho nhau.

Lần thứ tư ngày 08/4/2019: Khoảng 18 giờ tại nhà mình A bán cho Nguyễn Văn H3 12 số lô tổng 200 điểm với số tiền 21.800/1điểm thành tiền là 4.360.000đ; 01 cặp lô xiên 3, 234 số đề 02 chữ số và 10 số đề 03 chữ số với tổng số tiền 12.517.000đ nhưng chỉ phải trả 9.388.000đ (được khuyến mãi 3.129.000đ). Như vậy số tiền A và H3 đánh bạc là 13.748.000đ, số tiền đánh bạc H3 chưa thanh toán cho A.

Hồi 15 giờ 59 phút, người sử dụng số điện thoại 0941.067655 nhắn tin đến số điện thoại của A mua 05 số lô tổng 250 điểm với số tiền 21.800đ/1điểm thành tiền là 5.450.000đ; 10 cặp lô xiên, 50 số đề 02 chữ số với tổng số tiền 5.500.000đ nhưng chỉ phải trả 4.015.000đ (được khuyến mãi 1.485.000đ). Như vậy số tiền A và người mua đánh bạc là 9.465.000đ, số tiền đánh bạc người mua chưa thanh toán cho A.

Hồi 16 giờ 15 phút Đỗ Thị Thanh D1 nhắn tin đến số điện thoại của A mua 02 số lô tổng 20 điểm với số tiền 23.000đ/1điểm thành tiền là 460.000đ; 05 số đề 02 chữ số với số tiền 150.000đ. Như vậy số tiền A và D1 đánh bạc là 610.000đ, số tiền này D1 đã thanh toán cho A.

Hồi 16 giờ 53 phút Vũ Trường T2 nhắn tin đến số điện thoại của A mua 75 số đề 02 chữ số với tổng số tiền 1.735.000đ nhưng chỉ phải trả 1.390.000đ (được khuyến mãi 345.000đ). Như vậy số tiền A và T2 đánh bạc là 1.390.000đ, số tiền này T2 chưa thanh toán cho A.

Hồi 17 giờ 38 phút, 17 giờ 57 phút người sử dụng Nick Zalo “Ô Vinh Quy Hậu” nhắn tin đến Zalo “Tâm phạm” mua của An 34 số lô tổng 608 điểm với số tiền 23.000/1điểm thành tiền là 13.984.000đ; 02 cặp lô xiên 3, 154 số đề 02 chữ số, 06 số đề 03 chữ số với tổng số tiền 2.663.000đ. Như vậy số tiền đánh bạc giữa A và người mua là 16.647.000đ, số tiền đánh bạc người mua chưa thanh toán cho A.

Hồi 18 giờ 01 phút Lê Thị Hà T3 nhắn tin đến số điện thoại của An mua 08 số lô tổng 46 điểm với số tiền 23.000đ/1điểm thành tiền là 1.058.000đ; 29 số đề 02 chữ số với tổng số tiền 108.000đ. Như vậy số tiền A và T3 đánh bạc là 1.166.000đ, số tiền này T3 chưa thanh toán cho A.

Hồi 18 giờ 02 phút, 18 giờ 07 phút và 18 giờ 15 phút Dương Thị Thanh M nhắn tin đến số điện thoại của A mua 06 số lô tổng 100 điểm với số tiền 23.000đ/1điểm thành tiền là 2.300.000đ; 31 số đề 02 chữ số với tổng số tiền 810.000đ. Như vậy số tiền A và M đánh bạc là 3.110.000đ, số tiền này M chưa thanh toán cho A.

Buổi chiều tại nhà mình A bán cho Trần Thị P 20 số đề 02 chữ số với tổng số tiền 87.000đ, số tiền này P đã thanh toán cho A.

Bán cho 01 người khách qua đường (không xác định được nhân thân, lai lịch) 02 số lô tổng 10 điểm với số tiền 23.000đ/1điểm thành tiền là 230.000đ; 07 số đề 02 chữ số với tổng số tiền 230.000đ. Như vậy số tiền A và khách qua đường đánh bạc là 460.000đ, số tiền này khách đã thanh toán cho A.

Bán cho 01 người khách qua đường 01 số lô và 03 số đề với số tiền 284.000đ, số tiền này khách chưa thanh toán cho A.

Phạm Thị T1 là con của bị cáo Trần Thị A không trực tiếp tham gia đánh bạc, nhưng biết việc mẹ mình mua bán số lô, số đề với người khác. Buổi chiều ngày 08/4/2019, do A mắt kém không nhìn rõ tin nhắn mà người mua gửi đến nên T1 đã giúp A tổng hợp các số lô, số đề ra giấy qua số điện thoại 0941.067655 với số tiền 9.465.000đ và người sử dụng Nick Zalo “Ô Vinh Quy Hậu” với số tiền 16.647.000đ.

Trần Thị Thanh H làm nghề bán nước trong chợ Năm Dân ở phố N, thị trấn P, quá trình bán nước H khai quen 01 người phụ nữ tên H6 khoảng 40 tuổi (chưa xác định được nhân thân lai lịch). Ngày 04/4/2019 H6 nhờ H tìm người nhận ghi các số lô, số đề để H6 đánh bạc thì H đồng ý, sau đó ghi số điện thoại của H6 là “0941.067655” ra một tờ giấy rồi nhờ H chuyển cho người nhận ghi đề. H đến nhà Trần Thị A hỏi có nhận ghi số lô, số đề không thì A đồng ý rồi viết số điện thoại của mình đưa cho H. Sau đó H đưa lại cho H6, khi nhận số điện thoại thì H6 đưa cho H số tiền 20.000.000đ nói để làm tin và viết 01 giấy ghi nợ nội dung là H vay của H6. Buổi sáng ngày 05/4/2019, H6 gặp H lấy lại 20.000.000đ và đưa lại giấy ghi nợ để H xé đi và nói là việc giao dịch giữa H6 và người nhận ghi lô, đề đã thực hiện xong, H sẽ giúp nhận tiền khi thắng và chuyển tiền khi thua và sẽ trả công. Trong 02 ngày 06 và 07/4/2019, H6 gặp H ở khu vực “Nhà Ròng” ở xã L đưa cho H một cọc tiền nói chuyển cho người ghi lô đề và trả cho H 400.000đ/2ngày tiền công, H nhận và đến nhà chuyển cho A. Buổi trưa ngày 08/4/2019, H6 nói đi lấy tiền thì H đến nhà A, A đưa cho một cọc tiền, H nhận lấy về đưa lại cho H6, H6 nhận tiền và đưa lại 200.000đ nói là tiền công. Sáng ngày 09/4, H6 gặp đưa cho H 700.000đ nói là tiền công sau đó giữa hai người không còn gặp lại nhau nữa. Như vậy, Trần Thị Thanh H đã có hành vi giúp sức cho đối tượng tên H6 để đánh bạc với Trần Thị A và phải chịu trách nhiệm đối với việc mua bán số lô, số đề giữa A và số điện thoại “0941.067655”.

Nguyễn Văn H3 mua bán số lô, số đề cho khách qua đường sau đó tổng hợp số lô, đề khách mua và số lô, đề mình tự mua rồi chuyển bảng cho Trần Thị A. Ngày 08/4/2019, H3 chuyển bảng cho A trong đó có 02 số lô tổng 100 điểm với số tiền 21.800đ/1điểm thành tiền là 2.180.000đ và 22 số đề 02 chữ số với tổng số tiền 7.200.000đ là H3 đánh cho mình còn những số lô, số đề còn lại gồm 10 số lô tổng 100 điểm với số tiền 21.800đ/1điểm thành tiền là 2.180.000đ và 01 cặp lô xiên 3; 212 số đề 02 chữ số và 10 số đề 03 chữ số với tổng số tiền 5.317.000đ là của khách qua đường mua của H3. Nhưng khi H3 bán cho khách thì H3 tính như sau: 10 số lô tổng 100 điểm với số tiền 22.000đ/1điểm thành tiền là 2.200.000đ; 01 cặp lô xiên 3; 212 số đề 02 chữ số và 10 số đề 03 chữ số với tổng số tiền 5.317.000đ nhưng khách chỉ phải trả 4.254.000đ (khuyến mãi 1.063.000đ), nhưng số lô xiên và số đề H3 phải trả cho A là 3.988.000đ, như vậy số tiền H3 đánh bạc với khách qua đường là 6.454.000đ. Do đó H3 được tiền chênh lệch khi chuyển bảng cho A là 286.000đ gồm 100 điểm lô x 200đ = 20.000đ; số lô, số đề là 4.254.000đ - 3.988.000đ = 266.000đ.

Quá trình điều tra còn xác định, trước những lần đánh bạc đủ định lượng để khởi tố bị cáo Trần Thị A còn đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề với nhiều người trong nhiều ngày, cụ thể như sau:

Với Vũ Trường T2: Ngày 16/01/2019 với số tiền 1.150.000đ; ngày 17/01/2019 với số tiền 600.000đ; ngày 20/01/2019 với số tiền 1.770.000đ; ngày 21/01/2019 với số tiền 1.045.000đ; ngày 23/01/2019 với số tiền 550.000đ; ngày 24/01/2019 với số tiền 1.605.000đ; ngày 25/01/2019 với số tiền 620.000đ; ngày 26/01/2019 với số tiền 400.000đ; ngày 27/01/2019 với số tiền 2.290.000đ; ngày 28/01/2019 với số tiền 1.170.000đ; ngày 30/01/2019 với số tiền 1.900.000đ; ngày 31/01/2019 với số tiền 700.000đ; ngày 02/02/2019 với số tiền 690.000đ. Tổng số tiền qua các ngày là 14.490.000đ

Với Lê Thị H4: Ngày 01/4/2019 với số tiền 450.000đ; ngày 02/4/2019 với số tiền 850.000đ; ngày 03/4/2019 với số tiền 850.000đ; ngày 04/4/2019 với số tiền 1.700.000đ. Tổng số tiền qua các ngày là 3.850.000đ.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ thêm các vật chứng gồm: Thu của Trần Thị Thanh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen và 1.300.000đ. Dương Thị Thanh M tự nguyện giao nộp 3.110.000đ; Lê Thị Hà T3 tự nguyện giao nộp 1.166.000đ. Ngày 30/8/2019 Trần Thị A tự nguyện giao nộp 10.000.000đ cho Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Bản cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 09/09/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 và 3 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị A, Phạm Thị T, Trần Thị Thanh H và Nguyễn Văn H3 phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321, điểm s, Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1, Điều 52 và Điều 36 – Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị A từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung bị cáo từ 40 đến 50 triệu đồng. Giao bị cáo cho UBND thị trấn P nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 321, điểm s, Khoản 1, Điều 51; Điểm g, Khoản 1, Điều 52 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh H từ 60 đến 70 triệu đồng.

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 321, điểm i, s, Khoản 1, 2 Điều 51 – Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H3 từ 25 đến 30 triệu đồng.

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 321, điểm i, s, Khoản 1, Điều 51 – Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T1 từ 25 đến 30 triệu đồng.

- Áp dụng Điểm a, b, Khoản 1, Điều 47 - Bộ luật Hình sự; Điểm a, b, Khoản 2; Điểm a, b, Khoản 3, Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung NSNN 03 điện thoại di động các loại gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips của Trần Thị A; 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel của Phạm Thị T1 là phương tiện phạm tội;

+ Tịch thu sung NSNN số tiền 3.110.000đ của Dương Thị Thanh M; 1.166.000đ của Lê Thị Hà T là số tiền đánh bạc; số tiền 1.300.000đ của Trần Thị Thanh H là số tiền có được do phạm tội mà có.

+ Truy thu sung NSNN số tiền 56.768.000đ bị cáo Trần Thị A sử dụng đánh bạc. Trả lại cho bị cáo A số tiền 10.783.000đ (Trong đó: 10.000.000đ do bị cáo A tự nguyện giao nộp, 783.000đ là số tiền còn lại đã thu giữ) nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Truy thu sung NSNN số tiền 31.465.000đ bị cáo Trần Thị Thanh H sử dụng đánh bạc

+ Truy thu sung NSNN số tiền 14.034.000đ bị cáo Nguyễn Văn H3 sử dụng đánh bạc

+ Trả lại cho bị cáo Trần Thị Thanh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105

+ Buộc các bị cáo A, T1, H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo A, H, T1, H3 đã khai nhận hành vi của mình đã thực hiện như nội dung vụ án đã nêu; lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: Biên bản vi phạm hành chính lập hồi 18 giờ 15 phút ngày 08/4/2019, biên bản kiểm tra thông tin trong điện thoại thu giữ của các bị cáo, lời khai của người liên quan và vật chứng thu giữ 04 điện thoại dùng để liên lạc; 07 mảnh giấy ghi chép việc mua số lô số đề và số tiền 7.516.000đ thu giữ của các bị cáo và người liên quan.

Từ những chứng cứ đó, đã có đầy đủ cơ sở kết luận: lợi dụng kết quả xổ số kiết thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày, bị cáo Trần Thị A trong ngày 05/04/2019 có hành vi “mua số lô, số đề” với bị cáo Trần Thị Thanh H cùng một số người khác chưa xác định được nhân thân với tổng số tiền 38.621.000đ ; ngày 06/04 với tổng số tiền 22.014.000đ; ngày 07/04/2019 với với tổng số tiền 35.076.000đ ; ngày 08/04 2019 bị cáo Trần Thị A đánh bạc với hình thức chơi “mua số lô, số đề” với bị cáo Trần Thị Thanh H và Nguyễn Văn H3 cùng một số người khác chưa xác định được nhân thân với tổng số tiền 46.967.000đ.

Bị cáo Trần Thị Thanh H có hành vi “mua số lô, số đề” với bị cáo Trần Thị A trong ngày 05/04/2019 với tổng số tiền 18.330.000đ ; ngày 06/04 với tổng số tiền

9.682.000đ; ngày 07/04/2019 với với tổng số tiền 21.274.000đ ; ngày 08/04 2019 với tổng số tiền 9.465.000đ.

Bị cáo Nguyễn Văn H3 có hành vi “mua số lô, số đề” với bị cáo Trần Thị A trong ngày 08/04/2019 với tổng số tiền 13.748.000đ.

Bị cáo Phạm Thị T1 trong ngày 08/04/2019 có hành vi giúp bị cáo A tổng bảng đề, bảng lô với tổng số tiền 26.112.000đ.

Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rất rõ việc đánh bạc bằng hình thức chơi số lô số đề là vi phạm pháp luật; song để thỏa mãn nhu cầu sát phạt nhau bằng tiền và hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo, đặc biệt là bị cáo giữ vai trò chính nhằm răn đe phòng ngừa chung đồng thời ngăn chặn loại hình đánh bạc này lan rộng.

[4] Trong vụ án này HĐXX thấy: Tuy có nhiều bị cáo tham gia hành vi phạm tội nhưng mang tính giản đơn không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ; nhờ để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đòng lối xét xử cân phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra.

Đối với bị cáo Trần Thị A là người chủ động nhận cược số lô số đề nhiều lần với các bị cáo khác và nhiều người khác giữ vai trò thứ nhất trong vụ án, mức hình phạt phải cao nhất

Đối với bị cáo Trần Thị Thanh H là đối tượng nhiều lần mua số lô số đề với bị cáo A giữ vai trò thứ hai trong vụ án mức hình phạt thấp hơn bị cáo A nhưng phải cao hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H3 là đối tượng chủ động mua số lô, số đề với bị cáo A và với người khác giữ vai trò thứ ba trong vụ án

Đối với bị cáo Phạm Thị T1 không tham gia đánh bạc nhưng giúp bị cáo An tổng hợp bảng đề phối đề giữ vai trò cuối cùng trong vụ án

[5] Về các tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này bị cáo Trần Thị A và Trần Thị Thanh H có 04 lần thực hiện hành vi đánh bạc đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự của mỗi lần là tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 52 BLHS.

[6] Các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51.

Bị cáo Nguyễn Văn H3 và Phạm Thị T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại Điểm i, Khoản 1, Điều 51.

Bị cáo Nguyễn Văn H3 là người bị nhiễm chất độc da cam; bị cáo Trần Thị A đã tự nguyện giao nộp lại một phần số tiền đánh bạc là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2, Điều 51 - Bộ luật hình sự.

[7] Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại Điều 3 và Điều 58 BLHS năm 2015 nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy; khoan hồng đối với người lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm; đồng phạm với vai trò thứ yếu thì thấy rằng:

Đối với bị cáo A giữ vai trò đầu vụ, đánh bạc với nhiều người, nhiều lần cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc đáng lẽ phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo; nhưng xét thấy bị cáo là phụ nữ đã nhiều tuổi, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa luôn tỏ ra thành khẩn, tự nguyện giao nộp lại một phần tiền dùng để đánh bạc; nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích. Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 3, Điều 321 BLHS năm 2015 áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo để tăng tính răn đe phòng ngừa. Trong quá trình cải tạo không giam giữ khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung ngân sách nhà nước.

Đối với bị cáo Trần Thị Thanh H giữ vai trò thứ hai trong vụ án cũng cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc; tuy nhiên bị cáo cũng phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội chỉ nhằm mục đích thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc, nên không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền ở mức cao cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích.

Đối với các bị cáo Phạm Thị T1 và Nguyễn Văn H3 có vai trò thứ yếu, có hai tình tiết giảm nhẹ nên chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ giáo dục cải tạo các bị cáo thành các công dân có ích cũng như răn đe phòng ngừa chung.

[8] Đối với Lê Thị H4, Vũ Trường T2, Đỗ Thị Thanh D1, Lê Thị Hà T3, Dương Thị Thanh M và Trần Thị P có hành vi mua số lô, số đề của Trần Thị A, những người này chưa có tiền án, tiền sự về tội “Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc”, số tiền mua số lô, số đề dưới 5.000.000đ nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc”. Công an huyện K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng theo quy định của pháp luật.

Những lần đánh bạc không đủ định lượng để khởi tố bị cáo Trần Thị A đối với anh Vũ Trường T2, chị Lê Thị H4 trong nhiều ngày đã được UBND huyện K xử phạt 15 triệu đồng tại Quyết định số 3648/QĐ-XPVPHC ngày 11 tháng 8 năm 2019 là phù hợp Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[9] Đối với hành vi mua bán số lô số đề của bị cáo A và Dương Thị Thanh M trước ngày 07/04/2019 cả bị cáo và chị M không nhớ được việc mua bán cụ thể thế nào, số tiền đánh bạc trong từng lần, chỉ nhấn qua điện thoại số tiền còn phải thanh toán tính đến 07/04/2019 là 3.995.000đ và bị cáo A đã thanh toán xong trong ngày

08/04/2019 do đó không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với A và M nhưng có đủ căn cứ truy thu số tiền này từ bị cáo A do phạm tội mà có.

[10] Đối với người sử dụng nik zalo lưu trong máy bị cáo A là “ông Vinh Quy Hậu” mà bị cáo A cho rằng của ông Chu Quang V trú tại xóm 14, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình sử dụng để nhắn tin mua số lô số đề của bị cáo; qua điều tra xác minh không có căn cứ chứng minh việc ông V có tham gia mua số lô số đề của bị cáo A, ngoài dữ liệu trên máy điện thoại của bị cáo không còn căn cứ nào khác; do đó không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có tên là V này. Quá trình điều tra cũng dựa trên lời khai của bị cáo A chỉ xác định được người có nik trên đã thanh toán 01 lần số tiền 1.700.000đ cho bị cáo A trong tình trạng bịt kín mặt mũi không phát hiện được nhân dạng; số tiền này do phạm tội mà có cần truy thu từ bị cáo A để sung quỹ nhà nước.

[11] Đối với người lưu trong máy điện thoại bị cáo A là “P1 ” khi bị bắt ngày 08/04/2019 dữ liệu trên máy điện thoại của bị cáo A thể hiện ngày 08/04/2019 chị P1 có gửi tin nhắn mua số lô số đề của bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo A xác định chị P1 có gửi tin tham gia mua số lô số đề của bị cáo, nhưng bị cáo biết chị P1 bị ung thư sắp chết nên từ chối không nhận, quá trình điều tra chưa làm việc được với chị P1 thì ngày 29/05/2019 chị P1 chết do bệnh hiểm nghèo, ngoài dữ liệu trên máy điện thoại của bị cáo; không có căn cứ nào khác chứng minh việc bị cáo có bán số lô số đề cho chị P1 nên không đủ cơ sở xử lý hành vi này của bị cáo A.

Đối với những người khách qua đường mua số lô, số đề của Trần Thị A và Nguyễn Văn H3. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện K chưa xác định được nhân thân, lai lịch của những người này nên tách phần tài liệu liên quan, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với 04 điện thoại di động các loại đã thu giữ qua đã xác định được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philip của Trần Thị A; 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel của Phạm Thị T1 là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước; còn 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 của bị cáo H là tài sản riêng của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 7.516.000đ đã thu giữ: trong đó 1.940.000đ thu của bị cáo Trần Thị A (trong đó có 610.000đ của Đỗ Thị Thanh D1, 87.000đ của Trần Thị P và 460.000đ khách qua đường trả tổng cộng là 1.157.000đ là tiền do đánh bạc mà có cần tịch thu sung quỹ nhà nước), số tiền còn lại 783.000đ cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án. Số tiền còn lại gồm 3.110.000đ của Dương Thị Thanh M; 1.166.000đ của Lê Thị Hà T3; số tiền 1.300.000đ của Trần Thị Thanh H là số tiền đánh bạc và có được do đánh bạc mà có cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Số tiền Trần Thị A sử dụng đánh bạc và có được do đánh bạc 55.611.000đ bao gồm: Với Vũ Trường T2 là 14.490.000đ; Với Lê Thị H4 là 3.850.000đ; trong ngày 05/4 là 12.480.000đ; 06/4 là 8.722.000đ; 07/4 là 10.374.000; 1.700.000 người có Nick Zalo “Ô Vinh Quy Hậu” đã trả cho A; 3.995.000đ với M trước 07/04/2019. Cần truy thu sung quỹ nhà nước.

Số tiền 31.465.000 đ của Trần Thị Thanh H sử dụng đánh bạc trong các ngày 05, 06, 07 và 08/4/2019. Cụ thể: Ngày 05/4 là 7.200.000đ; ngày 06/4 là 2.400.000đ; ngày 07/4 là 12.400.000đ và ngày 08/4 là 9.465.000đ. Cần truy thu sung quỹ nhà nước.

Số tiền 13.748.000đ Nguyễn Văn H3 sử dụng đánh bạc với A và 286.000 là tiền chênh lệch thu lợi của khách qua đường khi chuyển bảng cho A. Tổng 14.034.000đ cần truy thu sung quỹ nhà nước

Số tiền 10.000.000đ bị cáo A tự giao nộp và 783.000đ là số tiền còn lại của bị cáo A không sử dụng vào việc đánh bạc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 của bị cáo H. Các vật chứng này là tài sản riêng của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Đối với 07 tờ giấy ghi đề được lưu theo hồ sơ tiếp tục quản lý theo hồ sơ vụ án.

[13] Về án phí: Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14; buộc bị cáo H, A, T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định của pháp luật. bị cáo Hà là người khuyết tật được miễn án phí hình sự

[14] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[15] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên cơ quan điều tra Công an huyện K, Kiểm sát viên viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đều đã thực hiện hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị A, Trần Thị Thanh H, Nguyễn Văn H3, Phạm Thị T1 phạm tội “Đánh bạc” .

+ Áp dụng khoản 1 và 3 Điều 321; điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 36 BLHS

Xử phạt bị cáo Trần Thị A 36 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bổ sung bị cáo A số tiền 50 triệu đồng sung ngân sách nhà nước. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn P, huyện K ,tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án

Giao bị cáo Trần Thị A cho UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, 35 BLHS: Phạt bị cáo Trần Thị Thanh H số tiền 70 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51, 35 BLHS: Phạt bị cáo Nguyễn Văn H3 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, 35 BLHS: Phạt bị cáo Phạm Thị T1 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015; Điều 47 BLHS;

+ Tịch thu số tiền 3.110.000đ của Dương Thị Thanh M; 1.166.000đ của Lê Thị Hà T3; số tiền 1.300.000đ của Trần Thị Thanh H sung quỹ nhà nước

+ Truy thu số tiền 56.768.000đ từ bị cáo Trần Thị A sung quỹ nhà nước.

+ Truy thu số tiền 31.465.000đ của bị cáo Trần Thị Thanh H sung quỹ nhà nước.

+ Truy thu số tiền 14.034.000đ của bị cáo Nguyễn Văn H3 sung quỹ nhà nước.

+ Tịch thu sung NSNN 03 điện thoại di động các loại gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips của Trần Thị A; 01 điện thoại nhãn hiệu Vietel của Phạm Thị T.

+ Trả lại số tiền 10.783.000đ cho bị cáo A; trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 cho bị cáo H nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ Tiếp tục quản lý 07 tờ giấy ghi đề theo hồ sơ vụ án.

(Chi tiết vật chứng như trong biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan điều tra và chi cục Thi hành án dân sự huyện K ngày 10/9/2019)

3. Án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc các bị cáo Trần Thị A, Trần Thị Thanh H, Phạm Thị T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn H3.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- UBND thị trấn P;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Phạm Thế Anh